

Yên Đức, ngày 06 tháng 03 năm 2021

BIÊN BẢN

V/v niêm yết công khai Quyết toán chi ngân sách và nguồn khác năm 2020

I. Thời gian: 14 giờ 05 phút ngày 06 tháng 3 năm 2021.

II. Địa điểm: Phòng Hội đồng trường Tiểu học Yên Đức

III. Thành phần:

1	Bà Hoàng Thị Vân	Hiệu trưởng
2	Ông Vũ Đình Anh	P. Hiệu trưởng
3	Bà Cao Thị Giang	Chủ tịch công đoàn
4	Ông Bùi Anh Văn	Trưởng ban thanh tra nhân dân
5	Bà Vũ Thùy Linh	Tổ trưởng chuyên môn
6	Nguyễn Thị Sâm	Kê toán
7	Phạm Thị Ngoan	Thư ký

IV. Nội dung:

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

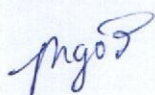
Căn cứ Quyết định số 282 /QĐ-PGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc giao dự toán ngân sách năm 2020;

Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc công khai Quyết toán chi ngân sách và nguồn khác năm 2020 theo biểu số 04 kèm theo.

Thời gian niêm yết: 30 ngày kể từ ngày 06 tháng 3 năm 2021 đến hết ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại bảng thông báo công khai của trường Tiểu học Yên Đức và trên trang thông tin điện tử thyenduc@dongtrieu.edu.vn.

Biên bản kết thúc vào lúc 14 giờ 30 phút cùng ngày.

THƯ KÝ



Phạm Thị Ngoan

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



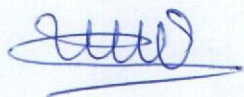
Vũ Đình Anh



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Vân

TRƯỞNG BAN TTND



Bùi Anh Văn

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



Cao Thị Giang

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Sâm

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN



Vũ Thùy Linh

Số: 31./QĐ-THYĐ

Yên Đức, ngày 06 tháng 03 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán thu, chi ngân sách và nguồn khác năm 2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 282/QĐ-PGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc giao dự toán ngân sách năm 2020 + Bổ sung.

Căn cứ quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Xét đề nghị của tổ Văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách và nguồn khác năm 2019 của trường Tiểu học Yên Đức (theo biểu mẫu số 04 ngày 06/03/2021 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Tổ trưởng tổ văn phòng, các tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT thị xã;
- BGH nhà trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Thị Vân

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC YÊN ĐỨC
Chương: 622 Loại 070 Khoản 071

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Đính kèm Quyết định số: 1/QĐ- THYĐ ngày 06 / 3 /2021 của trường Tiểu học Yên Đức)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
I	Quyết toán thu	277.282.627	277.282.627	0	
A	Tổng số thu	277.282.627	277.282.627	0	
1	Số thu phí, lệ phí	0	0		
1.2	Học phí		0	0	
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ				
3	Thu sự nghiệp khác	277.282.627	277.282.627		
3.1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	40.380.640	40.380.640	0	
3.1.1	Học phí				
3.1.2	Tiền tin học	14.032.880	14.032.880	0	
3.1.3	Tiền nước uống	17.182.000	17.182.000	0	
3.1.4	Tiền trông xe	1.040.000	1.040.000	0	
3.1.5	Tiền CSSKBĐ	0	0	0	
3.1.6	Tiền ốm đau thai sản	0	0	0	
3.1.7	Tiền học kỹ năng sống	3.080.160	3.080.160	0	
3.1.8	Tiếng Anh NNN	5.045.600	5.045.600	0	
3.2	Thu sự nghiệp khác trong năm	236.901.987	236.901.987	0	
1	Tiền tin học	100.385.000	100.385.000	0	
2	Tiền nước uống học sinh	33.679.000	33.679.000	0	
4	Tiền trông xe đạp học sinh	12.340.000	12.340.000	0	
5	Tiếng Anh NNN	0	0	0	
6	Tiền học kỹ năng sống	40.068.000	40.068.000	0	
7	Tiền vệ sinh chung	32.560.000	32.560.000	0	
8	Tiền CSSKBĐ	17.869.987	17.869.987	0	
9	Tiền ốm đau thai sản	0	0	0	
B	Chi từ nguồn thu được để lại	269.535.227	269.535.227	0	
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0	0	
1.1	Học phí	0	0		
1.1.1	Mục 6000: Tiền lương		0		
1.1.2	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		0		
1.1.3	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng		0		
1.1.4	Mục 6550: Vật tư văn phòng		0		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1.1.5	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		0		
1.1.6	Mục 6750: Chi phí thuê mướn		0		
1.1.7	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		0		
1.1.8	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		0		
1.1.9	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình		0		
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	269.535.227	269.535.227		
2.1	Tiền tin học	109.067.480	109.067.480	0	
2.2	Tiền nước uống học sinh	50.861.000	50.861.000	0	
2.3	Tiền trông xe đạp học sinh	11.254.200	11.254.200	0	
2.4	Tiếng Anh NNN	4.800.000	4.800.000	0	
2.5	Tiền học kỹ năng sống	43.148.160	43.148.160	0	
2.6	Tiền vệ sinh chung	32.534.400	32.534.400	0	
2.7	Tiền CSSKBD	17.869.987	17.869.987	0	
2.8	Tiền ốm đau thai sản		0	0	
C	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	7.747.400	7.747.400	0	
	Tiền học phí	0	0	0	
	Tiền tin học	5.350.400	5.350.400	0	
	Tiền nước uống học sinh	0	0	0	
	Tiền trông xe đạp học sinh	2.125.800	2.125.800	0	
	Tiếng Anh NNN	245.600	245.600	0	
	Tiền học kỹ năng sống		0	0	
	Tiền vệ sinh chung	25.600	25.600	0	
	Tiền CSSKBD	0	0	0	
	Tiền ốm đau thai sản			0	
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	3.266.585.000	3.266.585.000	0	
I	Chi thường xuyên	3.075.000.000	3.075.000.000	0	
a	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	2.250.608.860	2.250.608.860	0	
	Mục 6000: Tiền lương	1.165.043.997	1.165.043.997	0	
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	31.388.915	31.388.915	0	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	668.603.451	668.603.451	0	
	Mục 6200: Tiền thưởng	10.281.000	10.281.000	0	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	1.920.000	1.920.000	0	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	306.073.897	306.073.897	0	
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	67.297.600	67.297.600	0	
b	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	801.812.740	801.812.740	0	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	112.641.319	112.641.319	0	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	198.301.300	198.301.300	0	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	19.009.388	19.009.388	0	
	Mục 6650: Hội nghị	42.832.000	42.832.000	0	
	Mục 6700: Công tác phí	34.950.000	34.950.000	0	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	65.287.200	65.287.200	0	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	140.565.700	140.565.700	0	
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	68.180.000	68.180.000	0	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	102.045.833	102.045.833	0	
	Mục 7053: Mua sắm tài sản vô hình	18.000.000	18.000.000	0	
c	Các khoản chi khác	22.578.400	22.578.400	0	
	Mục 7750: Chi khác	22.578.400	22.578.400	0	
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	191.585.000	191.585.000	0	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	25.185.000	25.185.000	0	
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	16.400.000	16.400.000	0	
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		0	0	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng		0	0	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn		0	0	
	Mục 6900: Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	150.000.000	150.000.000	0	
	Mục 6907: Nhà cửa	29.850.000	29.850.000		
	Mục 6949: Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	120.150.000	120.150.000		
	Mục 7750: Chi khác		0	0	



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Vân